

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày: 05/5/2021  
*Về ly hôn.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Quách Thị Phương Thúy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Minh Tân, bà Nguyễn Thị Thùy Liễu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Dũng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Hưng- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 22/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/01/2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nghiêm Thị Kim L**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 79B phố A, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 2/2 phố N, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

*Các đương sự vắng mặt và đều có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn là bà Nghiêm Thị Kim L trình bày:* Bà với ông Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B ngày 21/11/1989. Cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do ông N sống không có trách nhiệm, bỏ mặc bà tự lo toan sinh hoạt gia đình và nuôi dưỡng con cái. Bà góp ý nhưng ông N không tiếp thu mà còn thường xuyên vô cớ chửi mắng xúc phạm bà, thậm chí nhiều lần còn đánh đuổi không cho bà vào nhà. Tình trạng này kéo dài

làm bà luôn sống trong căng thẳng, mệt mỏi. Nhiều lần bà khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án rồi lại rút đơn để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng sau đó vợ chồng vẫn không chung sống hòa hợp được. Nay bà không còn tình cảm với ông N nên bà xin ly hôn ông N.

Bà với ông N có hai con chung là Nguyễn Thị Thùy L1- sinh ngày 02/5/1990 và Nguyễn Bình M- sinh ngày 24/11/1999. Hiện cả hai con đã thành niên nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung.

Bà không đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

*Tại biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Văn N trình bày thống nhất với bà L về thời gian và điều kiện kết hôn của vợ chồng. Quá trình chung sống, thỉnh thoảng vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày. Ông nhiều lần nói chuyện, động viên nhưng bà L vẫn kiên quyết xin ly hôn và ông không có biện pháp hàn gắn quan hệ vợ chồng nên ông tự nguyện nhất trí ly hôn bà L.*

Ông nhất trí với ý kiến của bà L không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng hai con chung đã thành niên là Nguyễn Thị Thùy L1- sinh ngày 02/5/1990 và Nguyễn Bình M- sinh ngày 24/11/1999; không đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Ông đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và tiến hành các thủ tục khác vắng mặt ông.

*Qua xác minh, đại diện khu dân cư nơi ông N sinh sống và chị Nguyễn Thị Thùy L1 (con gái của ông N và bà L) phản ánh: Quá trình chung sống, ông N và bà L thường xảy ra va chạm, to tiếng cãi nhau do không cùng quan điểm sống, tính cách khác biệt. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm nhưng không có biện pháp khắc phục và đã sống ly thân một thời gian.*

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà L giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông N. Tại biên bản giao nhận tài liệu ngày 20/4/2021, ông N nhất trí ly hôn bà L và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

**Tại phiên tòa:** Đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã tuân theo và chấp hành đúng; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2013 của UBTV Quốc Hội. Đề nghị HĐXX: Xử cho bà L được ly hôn ông N. Buộc bà L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng*: Các đương sự được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và đều có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] *Về hôn nhân*: Bà Nghiêm Thị Kim L và ông Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Bình Hàn, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Trình bày của bà L phù hợp với phản ánh của đại diện khu dân cư, phản ánh của chị Nguyễn Thị Thùy L1 về quá trình chung sống giữa bà L với ông N thường xảy ra va chạm, to tiếng do bất đồng quan điểm sống, tính cách khác nhau. Ông N thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và ông không có biện pháp hàn gắn quan hệ vợ chồng. Kiểm tra tài liệu do nguyên đơn cung cấp thể hiện bà L đã nhiều lần khởi kiện xin ly hôn ông N nhưng sau khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án do bà L rút yêu cầu khởi kiện thì vợ chồng vẫn không chung sống hòa hợp được. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân một thời gian nhưng không có biện pháp đoàn tụ. Vì vậy xác định hôn nhân giữa bà L và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông N nhất trí ly hôn bà L nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa nên cần xử cho bà L được ly hôn ông N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Bà L và ông N có hai con chung là Nguyễn Thị Thùy L1- sinh ngày 02/5/1990, Nguyễn Bình M- sinh ngày 24/11/1999. Các con chung đều đã thành niên và các đương sự không đề nghị giải quyết việc nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa bà Nghiêm Thị Kim L và ông Nguyễn Văn N.

2. Về án phí: Bà Nghiêm Thị Kim L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai

số AA/2018/0005002 ngày 12/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Bà L đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

**3.** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- UBND phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Quách Thị Phương Thúy**